

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH



Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3822 077

Fax: 056.3817 371

Website: www.duongSATnghiabinh.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04.3556 2876 / 04.3556 2875

Fax: 04.3556 2874

Website: www.vietinbanksc.com.vn

Tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	9
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình	9
2. Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình.....	10
3. Tổ chức tư vấn	10
PHẦN II: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT.....	12
PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP.....	13
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	13
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	13
2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty	13
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	14
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu	15
5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trước cổ phần hóa	16
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	18
7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	19
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	21
9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty.....	33
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	33
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	43
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	48
1. Mục tiêu cổ phần hóa	48
2. Hình thức cổ phần hóa	48
3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	48
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	49
5. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa	51

MỤC LỤC

6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa	54
7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kể sau khi cổ phần hóa	54
PHẦN IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	60
1. Vốn điều lệ	60
2. Cơ cấu vốn điều lệ	60
PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN	61
1. Rủi ro về kinh tế	61
2. Rủi ro về luật pháp	63
4. Rủi ro của đợt chào bán	64
5. Rủi ro khác	64
PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN	65
1. Thông tin chung về đợt chào bán	65
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần	65
3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa	66
4. Các bên liên quan đến đợt chào bán	67

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần	18
Bảng 2: Giá trị thực tế của doanh nghiệp đề CPH tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014	19
Bảng 3: Tình hình đất đai	21
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015	35
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015	35
Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015	37
Bảng 7: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết	38
Bảng 8: Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015	40
Bảng 9: Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất giai đoạn 2012 – 2014	41
Bảng 10: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong 05 năm sau cổ phần hóa	55
Bảng 11: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa	60
Bảng 12: Phương thức bán cổ phần dự kiến	65
Bảng 13: Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	66

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ

- | | |
|--|---|
| 1. Tên doanh nghiệp | : Công ty TNHH một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình |
| 2. Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai | : 90.300 cổ phần, chiếm 5,0% vốn điều lệ |
| 3. Loại cổ phần | : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng |
| 4. Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phần |
| 5. Giá khởi điểm | : 10.000 đồng/cổ phần |
| 6. Bước giá | : 100 đồng |
| 7. Bước khối lượng | : 01 cổ phần |
| 8. Số lượng đặt mua tối thiểu | : 01 cổ phần |
| 9. Số lượng đặt mua tối đa | : 90.300 cổ phần |
| 10. Số mức giá trong đấu giá | : Mỗi nhà đầu tư được phát 01 (một) Phiếu tham dự đấu giá và chỉ được ghi tối đa 01 (một) mức giá đặt mua trên Phiếu tham dự đấu giá; mức giá đặt mua ghi trên Phiếu tham dự đấu giá là mức giá đặt mua tính trên một cổ phần và phải là bội số của 100 (một trăm) đồng; khối lượng đặt mua của mỗi mức giá tối thiểu là 01 (một) cổ phần; tổng khối lượng đặt mua tối đa bằng số cổ phần đã đăng ký. |
| 11. Đối tượng tham gia đấu giá | : Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần. |
| 12. Phương thức thực hiện đấu giá | : Đấu giá công khai thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam. |
| 13. Các quy định khác liên quan | : Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam ban hành. |
| 14. Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin: | |

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẦU GIÁ

- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Trụ sở chính : Số 02 Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại : 056. 3822 077

Fax: 056.3817 371

Website : www.duongsatnghiabinh.vn

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04.3556 2876 / 04.3556 2875

Fax: 04.3556 2874

Website : www.vietinbanksc.com.vn

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẦU GIÁ

1. Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
2. Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
3. Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
4. Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
5. Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
6. Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
7. Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
8. Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách Doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện cổ phần hóa;
9. Quyết định số 91/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình;
10. Quyết định số 2482/QĐ-BGTVT ngày 10/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thay đổi, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa các công ty TNHH một thành viên thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
11. Quyết định số 14/QĐ-ĐS ngày 30/01/2015 của Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình;

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ

12. Quyết định số 754/QĐ-ĐS ngày 09/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc chấp thuận phương án sử dụng đất đai và tài sản của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình để thực hiện cổ phần hóa;
13. Quyết định số 819/QĐ-ĐS ngày 19/6/2015 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt phương án sử dụng lao động năm 2015 khi tiến hành cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình;
14. Quyết định số 2355/QĐ-ĐS ngày 30/06/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình;
15. Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình tại thời điểm ngày 31/12/2014;
16. Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
17. Hợp đồng tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình số 61/2015/TVBĐG/CKCT07 – QLĐSNB ký kết ngày 29/10/2015 giữa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam;
18. Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình	
▪ Ông Trần Ngọc Thành	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Trưởng ban
▪ Ông Vũ Tá Tùng	Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực
▪ Ông Đỗ Thái Hưng	Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Giao thông Vận tải – Phó Trưởng ban
▪ Ông Mai Thành Phương	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Đoàn Duy Hoạch	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Đới Sĩ Hưng	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Bà Lê Thị Nhuận	Kế toán trưởng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Cao Minh Tuấn	Trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Trần Thế Hùng	Trưởng ban Ban Kế hoạch Kinh doanh, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Phạm Minh Khôi	Trưởng ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Nguyễn Hữu Tuyên	Trưởng ban Vận tải và Đầu máy toa xe, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Ông Tạ Văn Thanh	Trưởng ban Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
▪ Bà Đỗ Thị Hồng Châu	Phó trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên thư ký
▪ Ông Nguyễn Mạnh Thịnh	Chuyên viên chính Vụ QLDN, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

- **Ông Nguyễn Văn Hùng** Chuyên viên cao cấp Vụ QLDN, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
- **Ông Đoàn Cảnh Hoàng** Chuyên viên chính Vụ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
- **Ông Trần Trọng Ngôn** Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
- **Ông Lê Quang Nghĩa** Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình - Ủy viên
- **Ông Nguyễn Thái Linh** Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình - Ủy viên

Chúng tôi cam kết các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình

- **Ông Lê Quang Nghĩa** - Chủ tịch
- **Ông Nguyễn Thái Linh** - Giám đốc
- **Ông Lê Công Đệ** - Phó Giám đốc
- **Ông Nguyễn Thanh Hải** - Phó Giám đốc
- **Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Kế toán trưởng

Chúng tôi cam kết các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức tư vấn

- **Ông Nguyễn Minh Giang** - Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 30/UQ-CKCT do Ông Khổng Phan Đức – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam ký ngày 14/10/2015)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình do Công ty

PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình.

Chúng tôi đảm bảo rằng:

- ✓ Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình cung cấp.
- ✓ Các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

PHẦN II: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

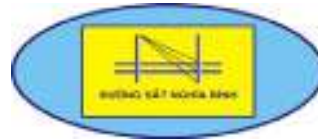
- Bộ GTVT	: Bộ Giao thông vận tải
- Công ty/Đường sắt Nghĩa Bình	: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình
- Ban chỉ đạo/BCĐ	: Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- TGD	: Tổng Giám đốc
- TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP	: Công ty cổ phần
- MTV	: một thành viên
- UBND	: Ủy ban nhân dân
- CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
- CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CPH	: Cổ phần hoá
- BCTC	: Báo cáo tài chính
- DT	: Doanh thu
- DTT	: Doanh thu thuần
- LN	: Lợi nhuận
- SXKD	: Sản xuất kinh doanh
- QL	: Quản lý
- TP.	: Thành phố
- DN	: Doanh nghiệp
- HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
- XD CB	: Xây dựng cơ bản
- HĐLĐ	: Hợp đồng lao động
- TSCĐ	: Tài sản cố định
- TSLĐ	: Tài sản lưu động
- HĐ	: Hợp đồng

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
- Tên tiếng Anh : NGHIA BINH RAILWAY MANAGEMENT ONE MEMBER LIMITED COMPANY
- Tên viết tắt : ĐSNB
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại : 056. 3822 077
- Fax : 056. 3817 371
- Website : www.duongsatngghiabinh.vn
- Logo :



- Giấy CNĐKDN : Số 4100259405 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký lần đầu ngày 01/01/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/09/2013.

2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty

Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình qua 39 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, đã trải qua nhiều lần thay đổi về mặt tổ chức, tên gọi ở những thời điểm khác nhau; có những hoàn cảnh, những khó khăn thách thức riêng. Song toàn Đảng bộ, Ban Điều hành, các Đoàn thể trong Công ty cùng toàn thể CBCNV đã thể hiện lập trường kiên định, nắm vững đường lối của Đảng, chủ trương chỉ đạo của ngành Đường sắt Việt Nam. Bám sát nhiệm vụ chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, giúp đỡ của ngành, chính quyền địa phương hai tỉnh Bình Định - Quảng Ngãi và nhân dân dọc hai bên tuyến đường sắt; đã lãnh đạo xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đưa Công ty hòa nhập vào công cuộc đổi mới của đất nước, của ngành. Đóng góp một phần xuất sắc cùng với giai cấp công nhân ngành Đường sắt cả nước trong giai đoạn khôi phục, tái thiết tuyến đường sắt Thống Nhất và đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới đưa ngành Đường sắt Việt Nam bước vào thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Qua 39 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Công ty có những tên gọi ở từng thời điểm như sau:

- *Trung tâm Đường sắt Quy Nhơn:* Thuộc Đoạn Đường sắt II Bình Định - Bình Thuận từ sau ngày giải phóng đến tháng 09/1976.
- *Khu Đường sắt Nghĩa Bình:* Theo Quyết định số 1808/TC-NS ngày 01/10/1976 của Tổng cục Đường sắt.
- *Đoạn cầu đường Nghĩa Bình:* Theo Quyết định số 106/TC-NS ngày 02/02/1979 của Tổng cục Đường sắt.
- *Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình:* Theo Quyết định số 908/TC ngày 30/12/1983 của Tổng cục Đường sắt.
 - + *Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình:* Đơn vị sự nghiệp kinh tế theo Quyết định 1208/TC ngày 30/5/1996 của Bộ Giao thông vận tải.
 - + *Xí nghiệp Quản lý đường sắt Nghĩa Bình:* Xí nghiệp công ích theo Quyết định số 876/TCCB ngày 17/4/1998 của Bộ Giao thông vận tải.
- *Công ty Quản lý đường sắt Nghĩa Bình:* Theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông vận tải.
- *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình:* Theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 17/11/2010 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký lần đầu ngày 01/01/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/09/2013, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4290
5	Lắp đặt các thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi	4329

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

6	Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình giao thông, dân dụng	7110
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông	2395
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép	2511
9	Sản xuất thiết bị, phụ kiện phục vụ ngành giao thông đường sắt và trang thiết bị, dụng cụ lao động	3290
10	Mua bán thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt	4659
11	Mua bán trang thiết bị, dụng cụ lao động và các sản phẩm từ đá	4669
12	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng kho bãi	6810
13	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch	7911
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810
17	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ đá	2399
18	Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu	7120

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

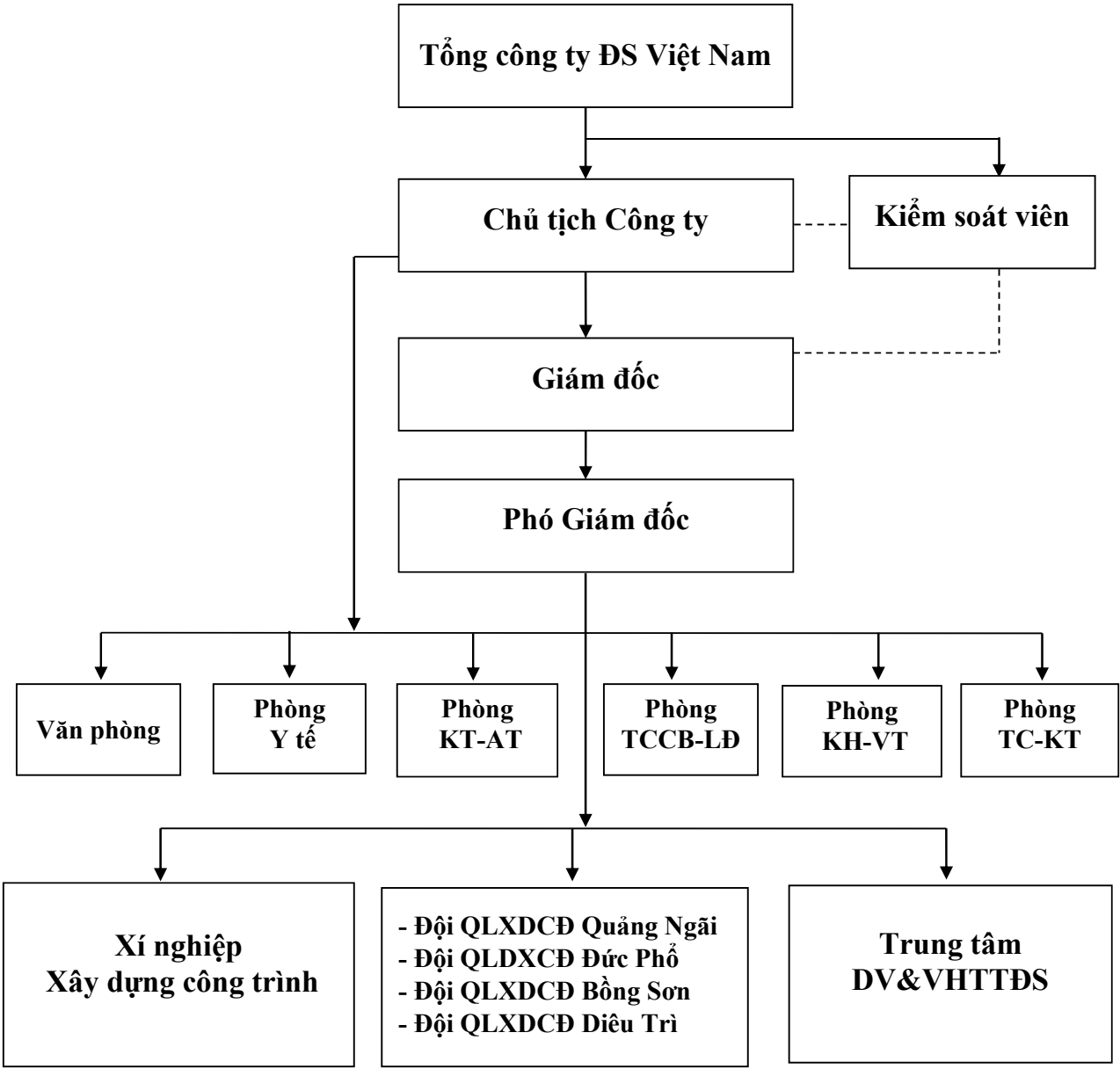
Hoạt động chính của Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Mua bán thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt;
- Lắp đặt thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt; đường bộ, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- Nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, quán ăn, hàng ăn uống.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trước cổ phần hóa

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Công ty như sau:

- + **Chủ tịch Công ty:** Do Chủ sở hữu bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Chủ tịch Công ty nhân danh Chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; có quyền nhân danh Công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định.
- + **Kiểm soát viên:** Gồm 01 (một) Kiểm soát viên chuyên trách do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 03 (ba) năm. Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Kiểm soát viên có trách nhiệm giúp Công ty hoạt động đúng luật và hiệu quả.
- + **Ban Điều hành:** Gồm 01 (một) Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc.
 - **Giám đốc:** do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty, với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại. Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Công ty theo thẩm quyền.
 - **Phó Giám đốc:** do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty theo phân cấp quản lý về công tác tổ chức cán bộ của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Giúp việc Giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc.
- + **Bộ máy giúp việc và các đơn vị trực thuộc Công ty:** Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch Công ty giao, 06 phòng chuyên môn nghiệp vụ: Văn phòng, Kế hoạch – Vật tư, Tài chính - Kế toán, Kỹ thuật – An toàn, Tổ chức cán bộ - Lao động và Y tế. Các đơn vị trực thuộc gồm 02 Chi nhánh là Xí nghiệp Xây dựng công trình và Trung tâm Dịch vụ & Văn hóa thể thao đường sắt; 04 Đội Quản lý xây dựng cầu đường gồm Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn và Diêu Trì.
- + **Các tổ chức chính trị - xã hội:**
 - **Đảng bộ:** Công ty có 01 Đảng bộ cơ sở - Đảng bộ Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trực thuộc Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đảng bộ Công ty có 03 Đảng bộ bộ phận và 04 Chi bộ trực thuộc, tổng số có 182 đảng viên.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- **Công đoàn:** Công ty có 1 tổ chức Công đoàn là Công đoàn cơ sở Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trực thuộc Công đoàn Đường sắt Việt Nam. Công đoàn Công ty có 07 Công đoàn Bộ phận và có 631 đoàn viên.
- **Đoàn Thanh niên:** Công ty có 1 tổ chức Đoàn cơ sở - Đoàn Thanh niên Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình, có 07 Chi đoàn, tổng số có 200 đoàn viên.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là: 631 người với cơ cấu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	631	100,00%
<i>Trong đó:</i>		
Phân theo trình độ lao động:		
- Lao động có trình độ đại học và trên đại học	81	12,84
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	96	15,21
- Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, sơ cấp	442	70,05
- Lao động khác	12	1,90
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	06	0,95
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	545	86,37
- Lao động làm việc theo HĐLĐ có xác định thời hạn	80	12,68

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình và Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2355/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình để cổ phần hóa như sau:

- **Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 94.316.944.827 đồng.**

(Bằng chữ: Chín mươi tư tỷ, ba trăm mười sáu triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: 14.530.108.855 đồng.

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, năm trăm ba mươi triệu, một trăm lẻ tám nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng).

- **Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình được trình bày chi tiết ở bảng sau:**

Bảng 2: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để CPH tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu xác định lại
(1)	(2)	(4)
A	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	94.316.944.827
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	30.998.764.044
1	Tài sản cố định	29.928.643.275
a	Tài sản cố định hữu hình	29.928.643.275
b	Tài sản cố định thuê tài chính	0
c	Tài sản cố định vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất)	0
2	Bất động sản đầu tư	0
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0
5	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0
6	Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	1.070.120.769

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu xác định lại
(1)	(2)	(4)
7	Các khoản phải thu dài hạn	0
8	Tài sản dài hạn khác	0
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	59.933.067.647
1	Tiền	14.178.861.524
a	Tiền mặt tồn quỹ	20.924.000
b	Tiền gửi ngân hàng	9.157.937.524
c	Tiền đang chuyển	5.000.000.000
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0
3	Các khoản phải thu	27.001.253.233
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	16.072.459.406
5	Tài sản lưu động ngắn hạn khác	2.680.493.484
6	Chi phí sự nghiệp	0
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	3.385.113.136
IV	Giá trị Quyền sử dụng đất	0
B	Tài sản không cần dùng	109.977.901
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	84.394.597
1	Tài sản cố định	0
2	Chi phí trả trước dài hạn	84.394.597
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	25.583.304
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	0
2	Hàng tồn kho không cần dùng	25.583.304
C	Tài sản chờ thanh lý	0
1	Tài sản cố định	0
2	Vật tư hàng hóa tồn kho chờ thanh lý	0
D	Tài sản hình thành từ Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	0
E	TSCĐ bàn giao về Tổng công ty	2.122.820.703
F	TSCĐ nhóm 1	432.863.400.879

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu xác định lại
(1)	(2)	(4)
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D+E+F)	529.413.144.310
	<i>Trong đó:</i>	
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	94.316.944.827
G1	Nợ thực tế phải trả	79.786.835.972
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp ngân sách nhà nước	0
G2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	0
	TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(G1+G2)}	14.530.108.855

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình đất đai

+ Tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014 và tính đến hiện nay, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đang quản lý tổng diện tích là 64.711 m² trong đó tổng diện tích đất giao là: 49.888 m², tổng diện tích đất thuê là: 14.823 m².

Các khu đất hiện tại Công ty đang quản lý và sử dụng như sau:

Bảng 3: Tình hình đất đai

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
1	2	3	4	5	6	7
1	Cung cầu đường Bình Sơn	2.544		549,80	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho , sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Bình Sơn	170,00		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			Nhà làm việc cung đường Bình Sơn	39,60		
			Nhà TT cung đường Bình Sơn	79,20		
			Bếp cung đường Bình Sơn	66,60		
			Nhà tập thể cung cầu Bình Sơn + bếp ăn	194,40		
2	Cung cầu đường Đại Lộc	1.191		191,20	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Đại Lộc	191,20		
3	Cung cầu đường Quảng Ngãi	5.611		721,60	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc đội, cung, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, xưởng, nhà tắm,sân bóng chuyền, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Tập thể Cung đường Quảng Ngãi	121,60		
			Bếp cung đội Quảng Ngãi (đội 401+ đội 402)	78,00		
			Nhà làm việc phân đoạn Quảng Ngãi	300,00		
			Kho xưởng đội Quảng Ngãi (Đội 402)	144,00		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			Nhà ăn tập thể Quảng Ngãi	78,00		
4	Nhà Cầu Cung đường Hòa Vinh Tây	623		446,50	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Hòa Vinh Tây	302,50		
			Nhà tập thể cung đường Hòa Vinh Tây (cũ)	144,00		
5	Cung Cầu đường Mộ Đức	737		143,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Mộ Đức	70,00		
			Nhà tập thể cầu đường Mộ Đức	73,00		
6	Cung Cầu đường Thạch Trụ	1.059		295,20	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, nhà tạm, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Thạch Trụ	118,80		
			Bếp cầu đường	57,60		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			Thạch Trụ			
			Nhà tập thể Cung đường Thạch Trụ	118,80		
7	Cung cầu đường Đức Phổ	2.787		370,50	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc, đội, cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Đức Phổ (Đội Đức Phổ)	137,50		
			Nhà tập thể cầu đường Đức Phổ	192,00		
			Nhà tập thể cung cầu Đức Phổ	41,00		
8	Cung cầu đường Thủy Thạch	2.380		184,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà tập thể cầu đường Thủy thạch	88,00		
			Nhà làm việc cầu đường Thủy thạch	42,00		
			Bếp cầu đường Thủy Thạch	54,00		
9	Cung cầu đường Diên Trường	7.470		188,80	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			Nhà tập thể cầu đường Diên Trường	79,20		
			Nhà làm việc cầu đường Diên Trường	52,00		
			Bếp Cung đường Diên Trường	57,60		
10	Cung cầu đường Sa Huỳnh	684		134,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Sa Huỳnh	134,00		
11	Cung cầu đường Tam Quan	1.199		305,68	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Tam Quan	103,68		
			Bếp cầu đường Tam Quan	68,00		
			Nhà tập thể cung cầu Tam Quan	130,00		
			Xí Cung đường Tam Quan	4,00		
12	Cung cầu đường Bồng Sơn	1.470		301,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ,

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
						cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Bồng Sơn (đội 405)	97,00		
			Nhà tập thể cầu đường Bồng Sơn	140,00		
			Bếp cung đường Bồng Sơn	64,00		
13	Cung cầu Bồng Sơn (Đội 406 cũ)	1.375		526,30	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc đội, cung, tổ XDCT2, xưởng, kho, bãi chứa vật tư PCLB, nhà tạm, lối đi nội bộ, sân bóng chuyền, cây xanh bóng mát
			Nhà tập thể cầu đường Bồng Sơn (Đội 406 cũ)	77,60		
			Nhà làm việc Bồng Sơn (đội cầu 406 cũ)	93,50		
			Kho xưởng Bồng Sơn (đội 406 cũ)	120,00		
			Bếp Đội cầu 406 Bồng Sơn	57,60		
			Nhà tập thể cung cầu Bồng Sơn	120,00		
			Bếp cung cầu Bồng Sơn	57,60		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
14	Cung cầu đường Phú Cũ	3.449		166,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà tập thể cầu đường Phú Cũ	71,00		
			Nhà làm việc cầu đường Phú Cũ	95,00		
15	Cung cầu đường Vạn Phú	1.406		175,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Vạn Phú	175,00		
16	Cung cầu đường Vĩnh Phước	3.958		283,60	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, kho, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Vĩnh Phước	220,00		
			Bếp cầu đường Vĩnh Phước	63,60		
17	Cung cầu đường Phù Mỹ	2.317		247,40	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, nhà tạm, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà tập thể cầu	96,20		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			đường Phù Mỹ			
			Nhà làm việc cầu đường Phù Mỹ	84,00		
			Bếp cầu đường Phù Mỹ	67,20		
18	Cung cầu đường Khánh Phước	1.380		149,80	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Khánh Phước	118,80		
			Bếp cung đường Khánh Phước	31,00		
19	Cung cầu đường Phù Cát	1.521		274,60	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, nhà tắm, lối đi nội bộ, sân bóng chuyên, cây xanh bóng mát
			Nhà làm việc cầu đường Phù Cát (Đội 407 cũ)	97,00		
			Nhà tập thể cầu đường Phù Cát (Đội 407 cũ)	120,00		
			Bếp Cung đường Phù Cát	57,60		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
20	Cung cầu đường Vân Sơn	1.124		230,50	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, sân, lối đi nội bộ, cây xanh bóng mát.
			Nhà tập thể cầu đường Vân Sơn	147,00		
			Nhà làm việc cầu đường Vân Sơn	52,00		
			Bếp cầu đường Vân Sơn	31,50		
21	Cung cầu đường Bình Định	2.016		397,00	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, nhà ăn, bếp, vệ sinh, nhà tạm, sân, cây xanh nội bộ.
			Nhà tập thể cầu đường Bình Định	80,00		
			Nhà làm việc cầu đường Bình Định	149,00		
			Nhà tập thể Cung cầu Bình Định	120,00		
			Bếp cầu đường Bình Định	48,00		
22	Cung cầu Gành km 1088+540 (cũ)	1.590		492,00	Giao đất không thu tiền	Kho, bãi trông coi vật tư PCLB và vật tư chuyên ngành
			Kho để vật tư phòng chống bão lũ Cầu Gành	455,00		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			Bếp tập thể cung cầu Gành	37,00		
23	Cung cầu đường Điều Trì	813		301,40	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc đội, cung, bếp, nhà tạm, sân, cây xanh
			Nhà làm việc Cầu đường Điều Trì	150,00		
			Nhà tập thể cầu đường Điều Trì (làm việc cung đường)	86,40		
			Nhà tập thể cung cầu Điều Trì	65,00		
24	Cung cầu đường Quy Nhơn	1.186		438,60	Giao đất không thu tiền	Nhà làm việc cung cầu đường, sân, cây xanh
			Nhà làm việc cầu đường Quy Nhơn	152,00		
			Nhà tập thể cầu đường Quy Nhơn (nhà tập thể và sản xuất)	76,00		
			Bếp Cung đường Quy Nhơn	57,60		
			Nhà làm việc Cung đường Quy Nhơn	153,00		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
25	Khu nhà điều hành sản xuất công ty (Nhà đất khu làm việc công ty)	14.680		3.275,20	Nộp tiền thuê đất hàng năm	Nhà làm việc Công ty, Xí nghiệp, Trung tâm, kho, nhà để xe, đường nội bộ, hội trường, nhà hàng, lưu trú công nhân, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà ăn, các công trình thể thao, cây xanh ...
			Nhà làm việc tổ xây dựng công trình 4; 5 (nhà trẻ Xí nghiệp)	114,00		
			Kho vật tư Công ty (nhà ăn tập thể Xí nghiệp cũ)	335,00		
			Kho dụng cụ, thiết bị (Hội trường Xí nghiệp cũ)	204,40		
			Phòng họp giao ban trực tuyến Công ty (nhà truyền thống Xí nghiệp)	135,00		
			Kho để goòng Công ty (Xí nghiệp cũ)	60,00		
			Nhà xưởng Sản xuất Công ty (mới)	690,00		
			Nhà điều hành sản xuất Công ty (nâng	490,80		

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

S TT	Vị trí	Diện tích đất (m ²)	Tài sản trên đất	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
			cấp nhà ĐHSX & phòng họp giao ban sản xuất cũ)			
			Nhà bảo vệ Công ty (nhà bảo vệ và tường rào Công ty)	92,00		
			Nhà để xe Ô tô Cty (Xí nghiệp cũ)	204,00		
			Sân cầu lông CBCNV (Kho gỗ cũ)	288,00		
			Bếp căn tin Công ty (nhà kho vật tư cũ)	84,40		
			Hội trường Công ty (nhà ăn tập thể Công ty)	288,80		
			Nhà làm việc, nhà lưu trú các chi nhánh Xí nghiệp xây dựng công trình	288,80		
26	Nhà 243 Lê Hồng Phong - Quy Nhơn (Nhà 243 Lê Hồng Phong)	143		143,00	Nộp tiền thuê đất	Nhà hàng ăn uống
	Tổng cộng	64.711		10.931,68		

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

+ Thực trạng về các khu đất:

- Các khu đất Công ty giữ lại để chuyển sang Công ty cổ phần bao gồm: Khu đất trụ sở Công ty số 02 đường Phó Đức Chính và Nhà 243 đường Lê Hồng Phong đều thuộc Phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn; Công ty đã trình Phường án sử dụng đất cho UBND tỉnh Bình Định để xin phê duyệt.

- Đối với các khu đất và tài sản gắn liền trên đất hiện tại Công ty đang quản lý, thuộc phạm vi khu ga: Công ty thực hiện trả lại toàn bộ các lô đất tại khu vực Cung cầu đường trên toàn tuyến đường sắt Thống Nhất và đường nhánh Diêu Trì – Quy Nhơn về Tổng công ty đường sắt Việt Nam để quản lý, quy hoạch và sử dụng phù hợp với phát triển chung của toàn ngành, theo Quyết định số 754/QĐ-ĐS ngày 09/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

8.2. Máy móc, thiết bị

Chủ yếu là các máy móc thiết bị phục vụ cho công tác thi công như: Máy công trình đa năng, máy chèn đường BRAD, Máy thay tà vẹt MRT-2, Máy siết bulon TEM2, máy nâng môi gục JA-40, thiết bị đo khổ đường 1m RCFF, máy trộn bê tông, máy đào, máy xúc v.v...

Tuy đã đầu tư máy móc thiết bị sử dụng cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt song số lượng ít, hiệu quả năng suất chưa cao do thi công trên đường sắt mật độ chạy tàu nhiều, thời gian cho phép thi công bị hạn chế. Do đó lao động bằng thủ công trong công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt chiếm tỷ lệ còn cao.

8.3. Phương tiện vận tải

Bao gồm các xe ô tô con, ô tô 16 chỗ, các loại xe tải, goòng máy công vụ ... đa số đã qua sử dụng nhiều năm gần hết khấu hao.

9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

9.1. Chủ sở hữu Công ty

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình.

9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty: Không.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

10.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trong giai đoạn 2012 đến nay

Giai đoạn từ năm 2012 đến hiện tại do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng suy thoái kinh tế thế giới nói chung và tình hình khó khăn của nền kinh tế trong nước nói riêng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị chi phối nặng nề. Tuy vậy, với đội ngũ lãnh đạo có trình độ quản lý cao cùng đội ngũ nhân viên với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt và tinh thần đoàn kết cùng nỗ lực vượt khó của tập thể CBCNV Công ty đã giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giữ vững uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường. Công ty đã phát huy, nâng cao tính năng động, nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời nhằm đưa ra những chính sách hiệu quả, định hướng tập trung vào sản xuất chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên Công ty.

Năm 2014, Tổng Doanh thu và Thu nhập khác của Công ty đạt 130,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4,5 tỷ đồng. Kết quả đã đạt được nêu trên phần nào đã thể hiện được sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty ngày một vững mạnh và phát triển.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

10.1.2. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	
	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.570.295.141	94,47%	119.809.414.606	98,97%	129.526.555.122	99,37%	62.281.414.536	99,24%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.763.770.282	1,86%	1.221.552.280	1,01%	800.781.912	0,61%	479.789.406	0,76%
Thu nhập khác	3.474.706.133	3,66%	22.363.636	0,02%	16.701.575	0,01%	0	0,00%
Tổng doanh thu và thu nhập khác	94.808.771.556	100%	121.053.330.522	100%	130.344.038.609	100%	62.761.203.942	100%

(*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu và thu nhập khác

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012-2014 và giai đoạn từ 01/01-30/09/2015 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh thu thuần	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	
	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.570.295.141	100%	119.809.414.606	100%	129.526.555.122	100%	62.281.414.536	100%
<i>Trong đó:</i>								
- Doanh thu hoạt động công ích	82.264.849.735	91,84%	105.035.987.964	87,67%	97.000.291.118	74,90%	49.250.940.027	79,1%
- Doanh thu hoạt động sản xuất khác ngoài công ích	7.305.445.406	8,16%	14.773.426.641	12,33%	32.526.264.004	25,1%	13.030.474.509	20,9%

(*) Tỷ lệ trên Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

10.1.3. Nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mọi thành phần kinh tế đều được tự do phát triển và cạnh tranh lành mạnh. Các đơn vị được quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, từ việc lựa chọn sản phẩm sản xuất đến lựa chọn nguồn thu mua nguyên vật liệu đều do doanh nghiệp tự quyết định. Nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tại Công ty chủ yếu đến từ các đơn vị cung ứng vật liệu thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các tổng đại lý vật liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định có tính ổn định.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

10.1.4. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015

Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	
	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)	Giá trị	Tỷ lệ % ^(*)
Giá vốn hàng bán	78.845.327.064	87,54%	106.731.474.597	91,93%	116.057.881.142	92,25%	57.394.725.962	92,49%
Chi phí tài chính	43.770.018	0,05%	29.457.600	0,03%	29.425.473	0,02%	14.984.334	0,02%
Chi phí bán hàng	322.183.580	0,36%	302.512.112	0,26%	499.476.202	0,40%	392.531.073	0,63%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.255.069.634	8,06%	8.956.190.542	7,71%	9.107.313.561	7,24%	4.192.517.297	6,76%
Chi phí khác	3.600.165.732	4,00%	83.717.516	0,07%	110.159.057	0,09%	61.900.619	0,10%
Tổng chi phí	90.066.516.028	100,00%	116.103.352.367	100,00%	125.804.255.435	100,00%	62.056.659.285	100,00%

(*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu và thu nhập khác

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012-2014 và giai đoạn từ 01/01-30/09/2015 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

10.1.5. Trình độ công nghệ

Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh: Đã ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác quản lý tài chính; chuyển tải các văn bản từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc bằng hộp thư điện tử (Email). Cơ quan công ty đã nối mạng nội bộ giữa các phòng ban chuyên nghiệp vụ. Ứng dụng tin học phổ biến từ Công ty xuống tận Đội, Xí nghiệp, Trung tâm, Cung cầu đường, Tổ sản xuất.

10.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu lập dự toán, tác nghiệp đến hoàn thiện, nghiệm thu sản phẩm thực hiện rất chặt chẽ, theo đúng quy trình hiện hành. Từ năm 2006 Công ty đã thực hiện quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2000 trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

10.1.7. Hoạt động marketing

Bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, Đường sắt Nghĩa Bình cũng luôn quan tâm tới hoạt động marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu, thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty ngày một nhiều, qua đó sẽ thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số giải pháp như: tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty thông qua các bạn hàng, đối tác, thực hiện marketing trong chính quá trình bán hàng và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng hậu cung cấp dịch vụ nhằm không ngừng khẳng định và nâng cao hình ảnh của Công ty trong ngành Đường sắt Việt Nam và khu vực,...

10.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình chưa có nhãn hiệu thương mại được cơ quan chức năng chứng nhận, nhưng là một trong những đơn vị quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt rất có uy tín trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

10.1.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 7: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
----	----------------	------------------	--------------------	---------------------

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2015	107,964	Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt	Năm 2015
2	Sửa chữa lớn Cầu Km 1089+143 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. HCM	3,701	Sửa chữa lớn (làm mới) cầu	Năm 2014-2015
3	Phòng vệ đường ngang tạm km 958+314 (bổ sung 6 tháng đến 01/5/2015)	1,705	Quản lý, bảo trì, gác đường ngang tạm để thi công Quốc lộ 24 tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2013-2015
4	Duy tu và đảm bảo an toàn chạy tàu 6 cầu thuộc gói thầu số 3A (CP3A)	12,767	Duy tu sửa chữa cầu, đường 2 đầu cầu, tuần đường, gác cầu thép đảm bảo an toàn chạy tàu (6 cầu)	Năm 2013-2015
5	Xây dựng đường sắt, đường giao thông, hệ thống chắn, kiến trúc và quản lý, bảo trì, phòng vệ (02 năm) Đường ngang tạm tại Km992+500	2,172	Làm mới và quản lý, bảo trì, phòng vệ đường ngang tạm để phục vụ thi công Quốc lộ 1	Năm 2014-2016
6	Cống qua đường sắt tại km 1067+ 944 thuộc hệ thống kênh tưới Văn Phong - Hồ chứa nước Định Bình	4,382	Xây dựng cống mới (thủy lợi) qua đường sắt	Năm 2014-2015
7	Duy tu và đảm bảo an toàn chạy tàu Cầu Tân An	1,647	Duy tu sửa chữa cầu, đường 2 đầu cầu, tuần đường, gác cầu Tân An đảm bảo an toàn chạy tàu	Năm 2014-2015
8	Duy tu bảo dưỡng sửa chữa Cầu Bến Gỗ	0,43	Duy tu sửa chữa cầu trong quá trình thi công cầu mới	Năm 2014-2015

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
9	Tuần đường, Duy tu bảo dưỡng đường 2 đầu cầu và tuần gác Cầu Bến Gỗ	0,578	Tuần đường, Duy tu bảo dưỡng đường 2 đầu cầu và tuần gác Cầu Bến Gỗ trong quá trình thi công cầu mới	Năm 2014-2015
10	Đường ngang của cầu Bầu Ấu và nền, đường sắt, đường ngang của cầu Sông Vệ thuộc gói CP3A - dự án nâng cao an toàn 6 cầu tuyến Hà Nội –TP. HCM	5,637	Thi công đường ngang, đường gom, nền, đường sắt hai đầu cầu Bầu Ấu và Sông Vệ	Năm 2014-2015
11	Đường trên cầu và đường 2 đầu cầu các cầu Km923+530, Km937+662, Km949+350 và cầu Km959+010 Gói thầu số 09 (CYNB2): Cải tạo, nâng cấp 9 cầu.	4,998	Thi công mặt cầu và đường 2 đầu cầu của 4 cầu	Năm 2015
12	Gia cố đảm bảo an toàn chạy tàu cầu Sông Thoa	0,099	Gia cố cầu Sông Thoa trong quá trình thi công cầu mới gói CP3A	Năm 2015
13	Trông coi, bảo quản vật tư thu hồi các gói thầu số 7, số 17, số 18; Thuộc Dự án cải tạo nâng cấp đường sắt K1, K2, K3 và tà vẹt sắt đoạn Vinh – Nha Trang	1	Trông coi, bảo quản vật tư thu hồi	Thực hiện từ năm 2013 đến nay vẫn còn không có thời hạn
	Tổng cộng	141,287		

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình

Bảng 8: Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
1. Tổng giá trị tài sản	454.148.072.430	484.759.637.192	522.902.039.942	532.869.882.364
2. Vốn nhà nước theo sổ kế toán	10.022.696.168	10.376.969.156	10.376.969.156	8.813.619.627
3. Nợ vay ngắn hạn	-	-	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-
4. Nợ vay dài hạn	405.200.000	405.200.000	286.200.000	286.200.000
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	1.190.916.000	1.190.916.000	-	-
6. Tổng số lao động (người)	750	700	659	631
7. Tổng quỹ lương	37.599.000.000	49.494.000.000	44.731.660.000	35.139.000.000
8. Thu nhập bình quân 1 người /tháng	4.570.000	5.580.000	6.200.000	6.187.000
9. Tổng doanh thu	94.808.771.556	121.053.330.522	130.344.038.609	62.761.203.942
10. Tổng chi phí	90.066.516.028	116.103.352.367	125.804.255.435	62.056.659.285
11. Lợi nhuận thực hiện	4.742.255.528	4.949.978.155	4.539.783.174	704.544.657
12. Lợi nhuận sau thuế	3.542.729.875	3.708.234.987	3.525.458.867	540.985.936
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước (lần)	0,353	0,357	0,340	0,061

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình và BCTC kiểm toán năm 2012-2014 và giai đoạn từ 01/01-30/09/2015 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

Bảng 9: Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất giai đoạn 2012 – 2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
<i>(Tại thời điểm cuối kỳ)</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>(Lần)</i> <i>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	1,21	1,10	1,00
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(Lần)</i> <i>[(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]</i>	0,82	0,60	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>(Tại thời điểm cuối kỳ)</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản <i>(Lần)</i>	0,15	0,17	0,15
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản <i>(Lần)</i>	0,85	0,83	0,85
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>(Lần)</i>	0,17	0,21	0,18
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay các khoản phải thu <i>(Vòng)</i> <i>(Doanh thu thuần/Các khoản phải thu khách hàng bình quân)</i>	5,71	7,36	5,82
- Kỳ thu tiền bình quân <i>(Ngày)</i>	63,09	48,89	61,86
- Vòng quay hàng tồn kho <i>(Vòng)</i> <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>	7,13	4,25	4,47
- Vòng quay Tổng tài sản <i>(Vòng)</i> <i>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)</i>	0,22	0,26	0,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,96	3,10	2,72
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	5,43	4,18	3,58
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	1,02	0,94	0,84
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	0,87	0,79	0,70

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu cuối kỳ tại BCTC kiểm toán năm 2012-2014 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình)

10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

10.3.1. Thuận lợi

Một số điểm nổi bật của Công ty:

- Ban Lãnh đạo công ty sáng tạo, năng động, có tính quyết đoán cao trong việc thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư khoa học công nghệ.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, kinh nghiệm có niềm đam mê công việc và tâm huyết với công ty.

- Lực lượng lao động ngày càng ổn định, có tay nghề chuyên môn thành thạo ở mức cao, đa số công nhân thích ứng nhanh với nghề nghiệp và máy móc thiết bị mới.

- Toàn thể CBCNV công ty luôn đoàn kết nội bộ, có tính sáng tạo, hết lòng phục vụ vì sự nghiệp chung của công ty.

10.3.2. Khó khăn, hạn chế

- Với chiều dài 193,2 km đường chính tuyến và 10,3 km đường Diêu Trì – Quy Nhơn. Trong điều kiện cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, tuyến đường sắt Thống Nhất qua khu vực hai tỉnh Quảng Ngãi – Bình Định có địa hình hiểm trở, phức tạp, các khu vực dân cư và khu kinh tế dọc tuyến ngày càng phát triển đã làm gia tăng sự phức tạp về an ninh trật tự và an toàn giao thông đường sắt. Việc vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt, mở rộng đường ngang bất hợp pháp xảy ra thường xuyên là nguyên nhân uy hiếp đến an toàn chạy tàu. Nguồn vốn đầu tư để bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt còn hạn hẹp, không đáp ứng được nhu cầu, giá nguyên vật liệu, xăng dầu luôn biến động làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Máy móc thiết bị hầu hết đã hết khấu hao, thời gian sử dụng lâu, hay hư hỏng đột xuất

- Địa điểm trụ sở Công ty chưa ổn định đã có dự án quy hoạch của địa phương di dời ra khỏi thành phố Quy Nhơn.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống và kinh nghiệm 39 năm trong lĩnh vực quản lý, bảo trì sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt từ năm 1976 đến nay, Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình tự hào là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực quản lý, bảo trì, thi công các công trình xây dựng giao thông đường sắt, đường bộ, nhà các loại trong và ngoài ngành. Công ty có một đội ngũ CBCNV đầy kinh nghiệm sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng ngành Đường sắt và Công ty ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của Công ty.

Qua 39 năm xây dựng và phát triển Công ty TNHH một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình vinh dự nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Chủ tịch Nước trao tặng như: Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 1996); các Huân chương độc lập hạng: nhất, nhì, ba; Huân chương lao động hạng: nhất, nhì, ba và nhiều cờ, bằng khen của Chính phủ, Bộ

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Giao thông vận tải, Bộ Công an; Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, các Bộ Ngành khác và các Tổ chức chính trị xã hội trao tặng.

11.2. Triển vọng phát triển ngành

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

- Mục tiêu cụ thể:
 - o Đến năm 2020: giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng tối thiểu 13% về nhu cầu luân chuyển hành khách và 14% về luân chuyển hàng hoá trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải; trong đó vận tải hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% nhu cầu vận tải hành khách công cộng tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;
 - o Giai đoạn đến năm 2030: đạt tỷ trọng 20% về nhu cầu luân chuyển hành khách, hàng hoá; đạt tỷ trọng 25% về nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng tại các đô thị lớn.
- Quy hoạch phát triển:
 - o Vận tải hành khách: tập trung phát triển dịch vụ vận tải đường dài với cự ly 300 - 500 km trên các hành lang giao thông chủ yếu, đặc biệt là hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây và dịch vụ vận tải đường sắt đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, đường sắt liên tỉnh trên cơ sở khai thác hệ thống đường sắt hiện có, đường sắt xây dựng mới ở các khu đoạn cự ly trung bình và khu vực có nhu cầu lớn;
 - o Vận tải hàng hóa: thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ vận tải hàng nặng, khối lượng lớn từ các khu mỏ, cảng biển, cảng ICD, nhà máy, các khu kinh tế lớn... giảm bớt sức ép đối với đường bộ, hạn chế tai nạn trên giao thông; ứng dụng công nghệ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
 - o Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ vận tải trên cơ sở thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp vận tải đường sắt nhà nước, xã hội hóa vận tải đường sắt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành vận tải, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận tải với việc thiết lập thị trường cạnh tranh, tăng cường quản lý nhà nước về vận tải đường sắt;
 - o Mở rộng liên kết vận tải quốc tế, khu vực và các quốc gia có biên giới liền kề trên cơ sở mạng đường sắt hiện có và trong tương lai.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Về kết cấu hạ tầng:

- Mục tiêu cụ thể:
 - o Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;
 - o Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- Quy hoạch phát triển:
 - o Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng:
 - + Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có.
 - + Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng:
 - + Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuật - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuật - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận;
 - + Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam;
 - + Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái;
 - + Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

Về công nghiệp đường sắt:

- Mục tiêu cụ thể:
 - Đến năm 2020: phân đầu tự chế tạo trong nước các phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt đáp ứng về cơ bản nhu cầu bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mạng đường sắt hiện có;
 - Đến năm 2030: từng bước đáp ứng nhu cầu về phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt cho các dự án xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt mới; hình thành ngành công nghiệp đường sắt hiện đại.
- Quy hoạch phát triển đến năm 2020:
 - Đầu máy: định hướng phát triển từ công nghiệp lắp ráp tiến tới chế tạo đầu máy diesel cho các tuyến cũ với công suất từ 2.000 - 2.500 CV và sức kéo điện cho các tuyến mới điện khí hóa với công suất 5.000 KW trở lên; đồng thời phát triển mạng các đoàn tàu tự hành (EMU) để vận tải hành khách nội, ngoại ô; phân đầu đạt được 1.100 đến 1.200 đầu máy.
 - Toa xe: tập trung phát triển công nghiệp đóng mới toa xe cung cấp cho tiêu dùng trong nước hướng tới xuất khẩu sang các nước trong khu vực; đạt được 50.000 đến 53.000 toa xe các loại;
 - Phụ tùng, vật tư đường sắt (ray, tà vẹt, phụ kiện, ghi, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thông tin, tín hiệu...): sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu bảo trì các tuyến đường sắt hiện có và tiến tới xuất khẩu.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Do vậy, triển vọng phát triển của ngành đường sắt là rất lớn, là cơ hội cho các công ty trong ngành đường sắt nói chung và Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình nói riêng.

11.3. Định hướng phát triển của Công ty

Dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên, Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).

- Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.

- Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.

11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Là đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng đường sắt, đồng thời nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của mình, với các định hướng phát triển sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để có thể tổ chức tốt hoạt động kinh doanh, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của các khách hàng, khai thác hiệu quả các tài sản hiện có của doanh nghiệp và gia tăng đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. Định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Huy động các nguồn vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Hình thức cổ phần hóa

Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Tên giao dịch quốc tế:	NGHIA BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	NBR., JSC
Trụ sở chính:	Số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại:	056. 3822 077

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Fax: 056. 3817 371
E-mail: duongsat.nghiabinh@gmail.com
Website: www.duongsatnghiabinh.vn

Logo Công ty:



4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4290
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi	4329
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình giao thông, dân dụng	7110
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông	2395
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép	2511
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ kiện phục vụ ngành giao thông đường	3290

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Tên ngành	Mã ngành
	sắt và trang thiết bị, dụng cụ lao động	
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt	4659
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, dụng cụ lao động và các sản phẩm từ đá	4669
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng kho bãi	6810
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế	7911
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810
17	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ đá	2399
18	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu	7120
19	Hoạt động thể thao vui chơi giải trí: Chi tiết: Hoạt động thể thao khác; hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu.	9311

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Tên ngành	Mã ngành
20	Vận tải hành khách bằng đường bộ	4932
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu lửa	
23	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

5. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần như sau:

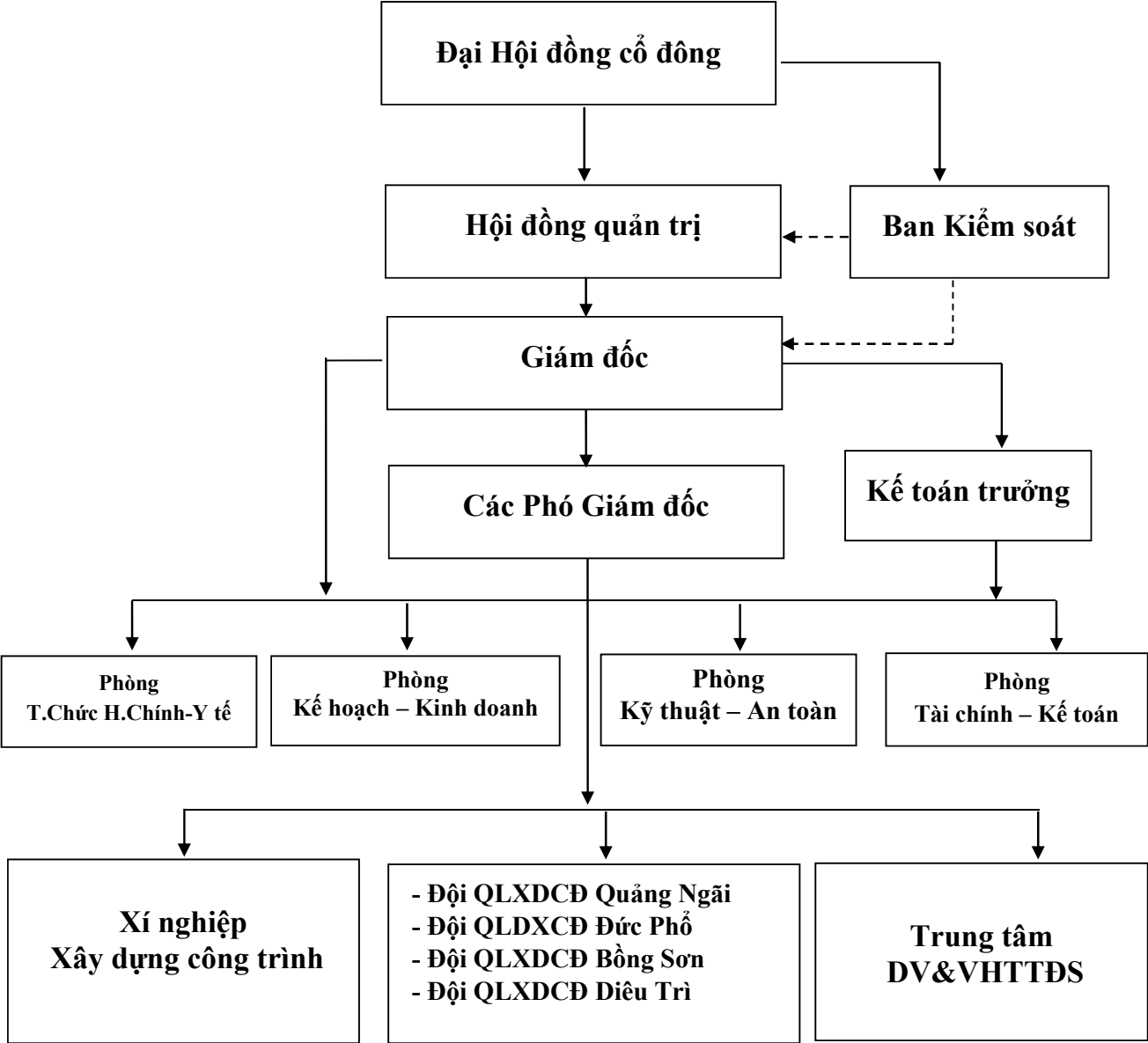
- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - Ban Điều hành: Gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - + Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
 - + Các Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền. Phó Giám đốc được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.
 - + Kế toán trưởng: có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật. Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.
 - Bộ máy giúp việc: gồm 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ: Kế hoạch – Kinh doanh, Tổ chức hành chính – Y tế, Tài chính - Kế toán và Kỹ thuật – An toàn.
 - Đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện nhiệm vụ công ích, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt: gồm 04 Đội quản lý xây dựng cầu đường: Quảng Ngãi, Đức Phổ, Bồng Sơn, Diêu Trì và Xí nghiệp Xây dựng công trình.
 - Đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài nhiệm vụ công ích: gồm Trung tâm Dịch vụ & Văn hóa thể thao đường sắt và một phần của Xí nghiệp Xây dựng công trình.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA



Ghi chú: —————> Quan hệ điều hành
 - - - - -> Quan hệ giám sát

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

Chủ trương của Công ty sau cổ phần hóa sẽ huy động vốn từ nhiều nguồn lực để đầu tư mua sắm các trang thiết bị, máy móc để nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm và giảm sức lao động.

7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kề sau khi cổ phần hóa

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Bảng 10: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong 05 năm sau cổ phần hóa

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	18.060	18.865,20	19.706,63	20.589,14	21.516,821
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	126.900	135.149	144.609	155.455	167.891
3	Tổng Chi phí	Triệu đồng	123.545	131.643	140.928	151.589	163.832
4	Lợi nhuận						
+	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.355	3.506	3.681	3.865	4.059
	Tỷ suất LN trước thuế /Vốn điều lệ	%	18,58	18,58	18,68	18,77	18,86
	Tỷ suất LN trước thuế / Tổng DT	%	2,64	2,59	2,55	2,49	2,42
+	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.684	2.805	2.945	3.092	3.247
	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn điều lệ	%	14,86	14,87	14,94	15,02	15,09
	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng DT	%	2,12	2,08	2,04	1,99	1,93
5	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	1.342	1.402	1.472	1.546	1.624
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,43	7,43	7,47	7,51	7,55
7	Tổng số lao động	người	631	631	631	631	631
8	Bình quân thu nhập/người/tháng	Triệu đồng	6,63	7,10	7,60	8,10	8,70
9	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	50.203	53.762	57.548	61.334	65.877

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình và Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Các giải pháp để thực hiện kế hoạch:

a) Giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh đúng đắn, sáng suốt trong hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và xây dựng các công trình khác vv.... Phân loại thị trường và khách hàng chính xác, trên cơ sở đó có những chính sách chăm sóc khách hàng một cách hợp lý và hiệu quả. Phổ biến, giáo dục mục tiêu: Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ đến từng đơn vị, từng CBCNV để CBCNV của Công ty nhận thức được đúng đắn và có thái độ phục vụ khách hàng tốt nhất.

+ Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn nhằm tạo tính chủ động trong sản xuất; tập trung các nguồn lực cho công tác sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng nhằm từng bước xây dựng thương hiệu trên thị trường; đưa ra các giải pháp quản lý hợp lý kịp thời nhằm đảm bảo giá thành cạnh tranh từng bước mở rộng phát triển thị trường.

+ Đẩy mạnh hợp tác liên danh, liên kết với các đối tác có tiềm lực về tài chính, thực hiện đa dạng hóa hình thức đầu tư và hình thức sở hữu trong đầu tư xây dựng để thu xếp vốn đầu tư cho các dự án nhằm khai thác một cách có hiệu quả.

+ Tăng cường công tác quản lý chất lượng các sản phẩm, kiểm tra giám sát, quán triệt các yêu cầu cụ thể tới từng khâu sản xuất, từng hạng mục thi công.

b) Giải pháp về tổ chức quản lý

+ Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng ngành nghề hiện có, xem xét bỏ đi các chức năng ngành nghề không còn phù hợp, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo của Công ty.

+ Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn. Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh; Đào tạo lại nhân lực để có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

+ Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được bổ nhiệm giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

+ Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

+ Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành. Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng Internet, sử dụng Email để liên lạc, giao tiếp.

+ Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán ...

c) Giải pháp về nguyên vật liệu

+ Xây dựng và quản lý hạn mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật tư cho từng công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất.

+ Lựa chọn nguồn nguyên vật liệu có chất lượng tốt, đảm bảo giá cả hợp lý, lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.

d) Giải pháp về nghiên cứu khoa học công nghệ

+ Xây dựng quy trình công nghệ hợp lý hóa sản xuất

+ Chú trọng nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới vào sản xuất

+ Chuẩn hóa thống nhất hệ thống phần mềm kế toán. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các nghiệp vụ của Công ty; sử dụng các sản phẩm điện tử, mạng thông tin nội bộ để quản lý kinh doanh tiết kiệm, có hiệu quả, an toàn, nhanh chóng và chính xác cao. Khai thác triệt để mạng công nghệ thông tin điện tử để thu nhập thông tin và quảng bá hình ảnh của Công ty.

+ Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do đó sản phẩm làm ra có chất lượng và đảm bảo an toàn chạy tàu, ảnh hưởng trực tiếp tới việc tính toán mức đầu tư cho dự án và chất lượng công trình. Để có sản phẩm đạt chất lượng ngoài yếu tố con người thì trang thiết bị máy móc phục vụ cho thi công rất quan trọng. Với nhận thức sâu sắc đó Công ty sẽ chú trọng công tác đầu tư trang thiết bị máy đồng bộ hiện đại, phù hợp với tình hình công việc trong từng giai đoạn cụ thể; Cập nhật chuyển giao công nghệ thi công tiến tiến để phục vụ tốt hơn nữa trong công tác sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

e) Giải pháp về tài chính

- + Chủ động tài chính bảo đảm nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh theo hướng đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, giữ mức cân đối giữa vốn dài hạn và vốn ngắn hạn, đảm bảo vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và dành cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất, giảm thiểu rủi ro về tài chính.
- + Lập phương án chi tiết để huy động vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- + Đầu tư nghiên cứu, lập dự án mở rộng sản xuất, tìm đối tác mạnh về tài chính, giỏi về công nghệ để liên kết đầu tư mở ngành nghề sản xuất mới. Nhằm thực hiện đa dạng hoá loại hình sản xuất khai thác hết tiềm năng sẵn có về mặt bằng và vị trí địa lý;
- + Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật và không có khả năng sinh lời để có biện pháp xử lý phù hợp.
- + Theo dõi chặt chẽ các khoản nợ phải thu, có biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, sử dụng hiệu quả vốn lưu động.
- + Thực hiện công tác tài chính công khai minh bạch, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty

f) Giải pháp về tăng doanh thu, giảm chi phí

- + Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh khác dựa trên thế mạnh của Công ty.
- + Đầu tư thay thế trang thiết bị cũ và đổi mới thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm, dịch vụ.
- + Tập trung xây dựng thương hiệu cho một số lĩnh vực điển hình như: quản lý, bảo trì kết cấu cơ sở hạ tầng đường sắt; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; dân dụng; Khai thác tiềm năng du lịch, kinh doanh nhà hàng
- + Rà soát các định mức chi phí trực tiếp trong thi công công trình,
- + Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác, chi phí tiếp khách, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu ... góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích CBCNV thực hiện tốt quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

+ Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

g) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

+ Lao động còn lại sau khi chuyển sang Công ty cổ phần là 631 người. Lực lượng lao động này sẽ sắp xếp phù hợp với khả năng trình độ chuyên môn của từng người.

+ Đào tạo lại lao động cho phù hợp với định hướng tổ chức sản xuất mới của doanh nghiệp, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, đáp ứng kịp thời đối với nền kinh tế thị trường hiện nay. Đào tạo lại cũng là một biện pháp hỗ trợ tích cực cho việc sắp xếp lại lao động theo mô hình tổ chức mới, phù hợp với năng lực lao động sẵn có, đảm bảo quyền lợi cho người lao động sau khi cổ phần hoá.

+ Lực lượng lao động đào tạo lại như sau:

+ Các đối tượng có trình độ đại học sẽ được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và tham dự các lớp tập huấn theo quy định để đảm bảo hành nghề cá nhân đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời cập nhật những thông tin quản lý, nghiệp vụ, nghề nghiệp, nhất là hiện nay các văn bản quy định mới được ban hành, nếu không cập nhật kịp thời sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

+ Các đối tượng có trình độ cao đẳng, trung cấp: Cập nhật thêm thông tin, nâng cao năng lực cá nhân học tập thêm kinh nghiệm đối với các ngành nghề doanh nghiệp dự kiến mở rộng thêm.

+ Công nhân kỹ thuật: Đào tạo cho phù hợp với từng loại lao động, phù hợp với mô hình tổ chức mới, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu chuyên môn hóa và các yêu cầu cần thiết của nền kinh tế thị trường. Việc đào tạo lại nhằm sắp xếp lao động cho phù hợp với các ngành nghề kinh doanh mới của doanh nghiệp theo chủ trương chung là sử dụng tối đa lực lượng lao động hiện có tại doanh nghiệp.

PHẦN IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình sau khi cổ phần hóa là: **18.060.000.000 đồng** (Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là: **1.806.000 cổ phần**, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

Bảng 11: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
I	Nhà nước	921.060	9.210.600.000	51,0%
II	Bán ra bên ngoài			
1	Người lao động trong Công ty (Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước)	794.640	7.946.400.000	44,0%
2	Công đoàn	0	0	0,0%
3	Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,0%
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai	90.300	903.000.000	5,0%
Tổng cộng		1.806.000	18.060.000.000	100%

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2013, ngay từ đầu năm Chính phủ và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu tăng cường kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Tình hình nền kinh tế năm 2013 đã có những cải thiện nhất định. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42% và lạm phát được khống chế ở mức thấp là 6,04%.

Năm 2014, Chính phủ đã xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế... Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố ngày 27/12/2014, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%, quý II tăng 5,34%, quý III tăng 6,07%. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Bước sang năm 2015, Chính phủ và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ... trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2015 và Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/03/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2 năm 2015 - 2016.

Nhờ sự nỗ lực trong cải cách thủ tục hành chính, cải cách thể chế và tái cơ cấu kinh tế, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tranh thủ và tận dụng mọi cơ hội nên hoạt động sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm nay của hầu hết các ngành, lĩnh vực đạt kết quả khả quan. GDP 09 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,50% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,81%. Trong mức tăng 6,50% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,08%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,57%, đóng góp 3,12 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,17%, đóng góp 2,38 điểm phần trăm (Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam - <http://gso.gov.vn/>).

PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

Lãi suất

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần hạ trần lãi suất huy động VNĐ từ 14%/năm xuống còn 8%/năm. Bước sang năm 2013, để hỗ trợ các doanh nghiệp tiết giảm chi phí và thúc đẩy nền kinh tế phục hồi, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục ban hành các quyết định cắt giảm lãi suất, kể từ ngày 28/6/2013, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng giảm còn 7,0%/năm, đồng thời trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm xuống còn 9%/năm.

Từ đầu năm 2014 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tích cực triển khai các giải pháp tiền tệ, tín dụng ngân hàng theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Ngày 28/12/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 2173/QĐ-NHNN quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 5,5%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6,0%/năm. Đồng thời, ngày 28/10/2014, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Quyết định số 2174/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014, theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) áp dụng mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 7%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm xuống còn 8%/năm.

Lạm phát

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Sau khi lạm phát được kiểm chế ở mức 6,81% trong năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng năm

PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

2013 tiếp tục được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng 0,15%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013. Năm 2015, chỉ số giá tiêu dùng 09 tháng tăng tương đối thấp, lạm phát cơ bản bình quân 09 tháng đầu năm tăng 2,15% so với bình quân cùng kỳ năm 2014 (Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam - <http://gso.gov.vn/>).

Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiềm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty như chi phí điện, nước, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt sau khi công ty chuyển đổi từ mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Đường sắt Việt Nam là một tuyến giao thông huyết mạch, kéo dài qua các khu địa hình phức tạp, chịu ảnh hưởng, tác động chung của khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nắng thất thường, thiên tai bão lũ triền miên, hàng năm gây ách tắc giao thông, gây thiệt hại nặng nề cho hệ thống hạ tầng đường sắt, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong ngành.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng, sửa chữa, cải tạo và khai thác qua từng thời kỳ, dựa trên nền tảng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, chắp vá, không đồng bộ. Với nguồn kinh phí đầu tư cho công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nền tình trạng cơ sở hạ tầng ngày càng xuống cấp nghiêm trọng.

Mặt khác, Đường sắt Việt Nam là một trong những tuyến giao thông quan trọng, có lưu lượng phương tiện hoạt động trên từng khu gian đường sắt rất lớn, lại khai thác trên khổ đường nhỏ, đường đơn. Hầu hết các điểm đường bộ cắt ngang đường sắt đều ở dạng giao cắt đồng mức với hàng ngàn đường ngang, đường dân sinh đang trở thành những mối nguy hiểm, tiềm ẩn tai nạn giao thông, uy hiếp đến an toàn chạy tàu.

PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội đất nước vẫn phần nào còn bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, ngoài ra việc giá cả nguyên, nhiên, vật liệu, giá xăng dầu biến động, nguồn vốn đầu tư hạn hẹp và liên tục biến động cũng vẫn tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, những khó khăn về tài chính của doanh nghiệp đường sắt kéo dài từ nhiều năm nay cũng phần nào ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành Đường sắt nói chung và trong Công ty nói riêng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua vẫn có khả năng thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, xem xét các thế mạnh hiện tại và tiềm năng phát triển trong dài hạn của Công ty, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công của đợt bán đấu giá cổ phần.

5. Rủi ro khác

Sản phẩm chủ yếu của Công ty là quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, xây dựng các công trình giao thông đường sắt, nhà các loại, vừa thi công vừa đảm bảo an toàn chạy tàu nên thường xuyên rủi ro về tai nạn chạy tàu hoặc tai nạn do thiên tai lũ lụt gây ra. Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội...

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về đợt chào bán

- Tên cổ phần : Cổ phần Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình
- Vốn điều lệ : 18.060.000.000 đồng
- Số cổ phần phát hành : 1.806.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bán đấu giá : **90.300 cổ phần** công khai
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm bán đấu giá : **10.000 đồng/cổ phần.**

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1. Phương thức bán cổ phần

Bảng 12: Phương thức bán cổ phần dự kiến

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Giá bán
	Bán ra bên ngoài	884.940	49,0%	
1	Người lao động trong Công ty (Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước)	794.640	44,0%	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất
2	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai	90.300	5,0%	Giá đấu thành công

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên:
 - + Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
 - + Phương thức và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình quy định.
- Đối với cổ phần bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài: Phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình” do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam ban hành.

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Tiền thu từ cổ phần hóa sẽ được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo chế độ Nhà nước quy định, thanh toán chi trả giải quyết chính sách lao động dôi dư (nếu có) khi cổ phần hóa, phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần. Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn như sau (giả sử giá bán cổ phần bằng giá khởi điểm).

Bảng 13: Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Đơn vị tính: Đồng

STT	KHOẢN MỤC	GIÁ TRỊ
A	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	18.060.000.000
B	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	14.530.108.855
C	Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến):	5.670.840.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi giảm 40% cho CBCNV	4.767.840.000
	- Từ bán đấu giá ra bên ngoài	903.000.000
D	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBCNV, công đoàn, cổ đông chiến lược và bán đấu giá	
E	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp (E) = (A) – (B)	3.529.891.145
F	Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp	500.000.000
G	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	0
H	Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	0
	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam = (C) – (E) – (F) – (G) – (H)	1.640.948.855

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Nghĩa Bình đã được phê duyệt)

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

4. Các bên liên quan đến đợt chào bán

TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ trụ sở chính : Số 02 Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại : 056. 3822 077 Fax: 056.3817 371

Website : www.duongsatnghiabinh.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3556 2876/ 2875 Fax: 04.3556 2874

Website : www.vietinbanksc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3577 0781 Fax: 04. 3577 0787

Website : www.vaco.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ chi nhánh : Số 15 ngõ 640, đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3793 1428 Fax: 04. 3793 1429

Website : www.aascn.com.vn

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Địa chỉ chi nhánh : Số 93/B1, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, Cầu Giấy,
Hà Nội

Điện thoại : 04.3767 0657/ 0658 Fax: 04. 3767 0555

Website : www.pkf.afcvietnam.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, phường
Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3783 3911 Fax: 04. 3783 3914

Website : www.bdo.vn

PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Nghĩa Bình.

Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!

**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV QLĐS NGHĨA BÌNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TCT ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**



Trần Ngọc Thành

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



Lê Quang Nghĩa

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



Nguyễn Minh Giang